

PHÁT TRIỂN TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI

PGS, TS. LÊ THỊ THANH HÀ*, ThS. NGUYỄN VĂN ĐÔNG**

Bài viết khái quát sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội qua các kỳ Đại hội từ năm 1986 đến nay. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế đặt ra trong quản lý phát triển xã hội, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam hiện nay.

Những năm gần đây, khái niệm quản lý phát triển xã hội được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Có thể khái quát: “Quản lý phát triển xã hội là sự tác động có chủ đích, có hệ thống của nhà nước và các tổ chức ngoài nhà nước nhằm xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách huy động và phân bổ các nguồn lực để điều chỉnh cơ cấu xã hội, kiểm soát biến đổi xã hội, thực hiện các đảm bảo xã hội, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội liên quan trực tiếp đến an sinh của cá nhân và cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế và văn hóa, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng khối đoàn kết - đồng thuận xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái”¹; “Quản lý phát triển xã hội là sự tác động có định hướng, có tổ chức của chủ thể quản lý đến khách thể

(con người, cộng đồng, các quan hệ xã hội, hoạt động xã hội, cơ cấu xã hội, chức năng xã hội...) nhằm mục tiêu phát triển xã hội bền vững”². Như vậy, quản lý phát triển xã hội là sự tác động có chủ đích của các chủ thể (Nhà nước, thị trường và xã hội) nhằm điều chỉnh cơ cấu xã hội, kiểm soát biến đổi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Tại Đại hội XIII, Đảng nhấn mạnh: “Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”³. Đồng thời, “Trên cơ sở dự báo đúng xu

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh

hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân”⁴.

Có thể khái quát, quản lý phát triển xã hội là sự tác động có định hướng của Nhà nước, thị trường, người dân bằng Hiến pháp, pháp luật và hệ thống thiết chế xã hội nhằm điều chỉnh cơ cấu xã hội, kiểm soát biến đổi xã hội vì mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung của quản lý phát triển xã hội bao gồm: 1) Kiểm soát cơ cấu xã hội và biến đổi xã hội; 2) Xây dựng và thực thi hiệu quả chính sách xã hội.

1. Sự phát triển quan điểm của Đảng về quản lý phát triển xã hội trong thời kỳ đổi mới

Trước Đại hội XII, Đảng Cộng sản Việt Nam chưa sử dụng khái niệm quản lý phát triển xã hội nhưng nội hàm quản lý phát triển xã hội vì mục tiêu phát triển xã hội đã được quan tâm. Tại Đại hội VI, Đảng ta khẳng định: “...cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên”⁵. Mục tiêu của chính sách xã hội “nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất”⁶. Với quan điểm đó, tại Đại hội VI, Đảng đã đề ra chủ trương giải quyết vấn đề lao động, việc làm, từng bước ổn định và nâng cao đời sống cho Nhân dân, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm lo cho người có công với cách

mạng, phòng, chống các tệ nạn xã hội... Đây là sự đổi mới tư duy về phát triển xã hội được đặt trong tổng thể đường lối phát triển đất nước, đặc biệt là giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) khẳng định: “Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân”⁷. Việc khuyến khích làm giàu chính đáng đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo được Đảng quan tâm chỉ đạo: “Coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là sự cần thiết cho sự phát triển. Đồng thời, có chính sách ưu đãi hợp lý về tín dụng, về thuế, đào tạo nghề nghiệp để tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự vươn mình lên”⁸. Giải quyết bất công tất yếu nảy sinh trong cơ chế thị trường không chỉ trông chờ ở Nhà nước, mà đòi hỏi phát huy trách nhiệm của toàn xã hội: “Có chính sách điều tiết hợp lý đối với những người giàu; động viên các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia các hoạt động nhân đạo, ái hữu, từ thiện, giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những nơi bị thiên tai, những người tàn tật, già cả, neo đơn không có khả năng lao động”⁹.

Tại Đại hội VIII, tư duy về quản lý phát triển xã hội có bước phát triển mới khi Đảng ta khẳng định cần giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân: “Các

vấn đề chính sách xã hội đều phải giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”¹⁰.

Đại hội IX của Đảng hướng tới: “Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp”¹¹. Để thực hiện tốt mục tiêu trên, “Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản”¹². Về mặt quản lý, Đảng chủ trương tăng cường vai trò của Nhà nước trong giải quyết chính sách xã hội theo hướng vừa là người điều tiết, vừa là nhà đầu tư. *Một mặt*, với tư cách là người điều tiết, Nhà nước nỗ lực ban hành thể chế, chính sách thông qua các công cụ quản lý vĩ mô để cơ cấu lại tư liệu sản xuất, phân phối lại kết quả sản xuất và phúc lợi xã hội; *mặt khác*, với tư cách là nhà đầu tư, Nhà nước tăng cường đầu tư vào các khâu, lĩnh vực đối với nhóm dân cư khó khăn, chịu tác động tiêu cực từ kinh tế thị trường, có cơ hội vươn lên; đồng thời, xã hội hóa việc quản lý phát triển xã hội theo chiều sâu với việc huy động sức mạnh toàn dân tham gia phát triển xã hội.

Đến Đại hội X, Đảng chủ trương phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội phải tiếp tục được đặt trong mối quan hệ không tách rời với phát triển kinh tế và quản lý phát triển kinh tế. Quản lý phát triển xã hội phải gắn liền với giải quyết những vấn đề xã hội, khuyến

khích mọi người làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói giảm nghèo; xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho người dân về giáo dục và đào tạo, tạo việc làm, chăm sóc sức khỏe, văn hóa - thông tin, thể dục thể thao...; đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: “Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹³. Điều này cho thấy, Đảng ta đã nhận thức ngày càng cụ thể và đầy đủ hơn về tầm quan trọng của chính sách xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội nhằm mục tiêu phát triển xã hội, đặc biệt chính sách xã hội phải quan tâm tới an sinh xã hội và phúc lợi xã hội.

Tại Đại hội XII, lần đầu tiên khái niệm quản lý phát triển xã hội được Đảng đưa vào Văn kiện với mục tiêu: “**Quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội**”¹⁴. Muốn thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phải bảo đảm hiệu quả quản lý phát triển xã hội. Vì vậy, cần “Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”¹⁵. Về nguyên tắc, phát triển xã hội thông qua việc xây dựng và thực thi các chính sách, còn quản lý phát triển xã hội bảo đảm cho xã hội phát triển theo đúng quy luật, công bằng, tiến bộ và bình đẳng xã hội. Về mục đích, quản lý phát triển xã hội cần

bảo đảm nâng cao đời sống của Nhân dân: Nhân dân là chủ thể và quyền làm chủ đó cần được tôn trọng và bảo vệ; bảo đảm môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; con người phát triển toàn diện, có cơ hội cống hiến và hưởng thụ thành quả của sự phát triển.

Tại Đại hội XIII, Đảng đã khẳng định: “QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG, BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI”¹⁶. Có thể thấy, lần đầu tiên mục tiêu quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội trở thành một mục riêng trong Văn kiện Đảng và xác định tính bền vững, tiến bộ, công bằng trong mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa và thể hiện trong các “chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người”¹⁷.

2. Khái quát về đổi mới tư duy lý luận của Đảng trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam

Về thành tựu:

Một là, chức năng xã hội của Nhà nước trong giải quyết các vấn đề xã hội ngày càng được thể hiện rõ nét. Trước đổi mới, “chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết, mặt khác, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời”¹⁸. Trước thực trạng đó, buộc Việt Nam phải tiến hành đổi mới. Tại Đại hội VI, Đảng ta khẳng định, “thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước”¹⁹. Tuy nhiên, kết quả cho thấy vẫn chưa có chuyển biến đáng kể, có những mặt chưa khắc phục được, thậm chí còn tạo ra khe hở và cản trở mới trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Từ thực tế đó, đến Đại hội VII,

Đảng đã ý thức được rằng, để khắc phục những khiếm khuyết của bộ máy nhà nước, để cơ quan nhà nước thực hiện chức năng xã hội một cách có hiệu quả không chỉ dừng lại ở cải cách bộ máy mà cần đổi mới căn bản cả về thiết chế tổ chức và cơ chế hoạt động của Nhà nước. Do vậy, từ sau Đại hội VII, Đảng đã cho thấy quyết tâm cao hơn trong đổi mới phương thức hoạt động và chức năng xã hội của Nhà nước. Trong đó, chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân là một bước đột phá trong đổi mới tư duy lý luận của Đảng. Tại Đại hội XII, Đảng nhận định: “Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội”²⁰. Đồng thời, “Thực hiện tốt *chính sách xã hội*, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”²¹ vì mục tiêu “*phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn*”²², “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”²³, “cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”²⁴. Như vậy, Nhà nước đã chuyển dần từ vai trò “một người bảo trợ” chung cho toàn xã hội thành “người cầm lái”, “người khởi xướng” tổ chức các hoạt động xã hội và là chủ thể hoạch định, thực thi các chính sách xã hội; giải quyết mối quan hệ giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội. Thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng

kinh tế đi liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Hai là, đa dạng hóa các chủ thể tham gia quản lý phát triển xã hội. Việc đa dạng hóa các chủ thể tham gia quản lý phát triển xã hội, nhất là các chủ thể cung ứng dịch vụ xã hội như doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân thông qua xã hội hóa đã chứng minh chủ trương của Đảng về quản lý phát triển xã hội là đúng đắn, mang lại hiệu quả cao vì mục tiêu phát triển xã hội công bằng, bình đẳng và bền vững. Có thể thấy, xã hội hóa dịch vụ công và đa dạng hóa các chủ thể tham gia quản lý phát triển xã hội đã mang lại sinh khí mới cho quản lý phát triển xã hội, tạo điều kiện cho Nhà nước chuyển đổi mô hình từ quản trị sang dịch vụ, từ đơn nhất hóa các chức năng đến tách bạch một cách rõ ràng hơn.

Ba là, chuyển biến mô hình quản lý nhà nước từ tập trung, mệnh lệnh hành chính sang xây dựng nhà nước pháp quyền để quản lý phát triển xã hội. Trước đổi mới, mô hình quản lý xã hội bằng kế hoạch hóa cao độ theo mệnh lệnh hành chính, thiếu hệ thống luật pháp cho quản lý phát triển xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, quyết tâm cao trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân đã tạo cơ sở vững chắc trong công tác này. Tại Đại hội XIII, Đảng đã thể hiện mạnh mẽ quyết tâm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi khẳng định lại quan điểm: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm

vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”²⁵. Đồng thời, “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”²⁶ là một trong những *định hướng* chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ 2021-2030; “*xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*”²⁷ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đưa đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Bốn là, vận dụng quy luật của thị trường trong quản lý phát triển xã hội. Trước đổi mới, do chủ trương phát triển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung nên vấn đề thị trường không được nhắc tới. Điều đó không làm năng động hóa các quá trình quản lý phát triển xã hội, trái lại đẩy quản lý nhà nước rơi vào trì trệ, lúng túng. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta khẳng định, nền kinh tế thị trường mà Việt Nam xây dựng phải có sự quản lý của Nhà nước. Vai trò của Nhà nước đối với kinh tế thị trường không chỉ xuất phát từ yêu cầu phổ biến của quá trình phát triển kinh tế thị trường mà còn từ *tính đặc thù* của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Lợi ích chính đáng của cá nhân được coi là động lực quan trọng cho sự phát triển... Cơ chế phân phối theo nguồn vốn đóng góp đã tác động trực tiếp tới lợi ích cá nhân, nhờ đó huy động được nguồn lực xã hội tham gia vào phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho một bộ phận vươn lên làm giàu chính đáng. Quy luật cạnh tranh được vận dụng trong quản lý phát triển dịch vụ công, đặc biệt đối với các dự án, chương trình có nguồn lực công phải đấu thầu một cách công

khai, minh bạch. Thực tiễn đổi mới gần 40 năm qua cho thấy, khu vực tư nhân tham gia cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho xã hội đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực, góp phần phá bỏ sự độc quyền, bao cấp của Nhà nước. Vì vậy, việc chuyển giao một phần dịch vụ công do Nhà nước quản lý sang khu vực tư nhân sẽ giúp chấm dứt tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, tạo ra sự cạnh tranh và mang đến nhiều lợi ích hơn cho người dân.

Năm là, Nhân dân là một trong những chủ thể quan trọng của quản lý phát triển xã hội. Trong thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, người dân là đối tượng chăm lo của Nhà nước nên chỉ thụ hưởng một chiều từ chính sách xã hội. Điều đó làm triệt tiêu vai trò quản lý xã hội của Nhân dân. Trong thời kỳ đổi mới, Nhân dân không chỉ tham gia đóng góp ý kiến vào hoạch định chính sách phát triển mà còn trực tiếp vận hành hệ thống quản lý phát triển xã hội ở cơ sở thông qua các thiết chế xã hội, tự quản những dự án từ nhiều nguồn đầu tư khác nhau trong cộng đồng. Điều 28 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. / 2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”²⁸. Tại Đại hội XIII, căn cứ vào tình hình thực tiễn và quan điểm mở rộng dân chủ, Đảng ta đã bổ sung 2 khâu trong phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thành: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân

kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”²⁹. Dân “biết”, “bàn”, “làm”, “kiểm tra”, “giám sát”, “thụ hưởng” là quá trình tiếp nối biện chứng, có quan hệ chặt chẽ, chuyển hóa lẫn nhau, gắn liền với vai trò chủ thể và đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân. Như vậy, Nhân dân không chỉ được coi là đối tượng thụ hưởng thành quả mà còn tham gia trực tiếp vào chính quá trình quản lý phát triển xã hội thông qua hình thức dân chủ trực tiếp hoặc gián tiếp.

Về hạn chế:

Tại Đại hội XII, Đảng đã thẳng thắn thừa nhận: “...quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiếu đồng bộ. Việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả; mục tiêu xây dựng quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực, ngành nghề, vùng, miền chưa đạt yêu cầu; giảm nghèo chưa bền vững, chênh lệch giàu - nghèo và bất bình đẳng có xu hướng gia tăng. Chưa nhận thức đầy đủ vai trò của phát triển xã hội hài hòa, chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người”³⁰. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục đánh giá và khẳng định: “*Quản lý phát triển xã hội* và giải quyết một số vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức, chưa được kết hợp đồng bộ, chặt chẽ trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa; thể chế quản lý xã hội còn nhiều hạn chế; tình trạng gia tăng tội phạm, tệ nạn, tiêu cực, mâu thuẫn, xung đột xã hội... ở một số nơi chậm được khắc phục, gây bức xúc trong dư luận

nhân dân”³¹. Điều đó được biểu hiện cụ thể:

Một là, giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội chưa thực sự thống nhất. Các nguồn lực chủ yếu đầu tư cho phát triển kinh tế trong khi các vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Thực tế cho thấy, mặc dù kinh tế phát triển, đời sống vật chất của người dân ngày càng được nâng lên nhưng một số lĩnh vực còn phát triển chưa tương xứng (y tế, giáo dục...); thực tiễn thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với công tác lý luận, định hướng phát triển còn nhiều bất cập.

Hai là, chưa phân định rõ mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Chủ trương đa dạng hóa các chủ thể quản lý chưa được thực hiện triệt để, còn hạn chế trong việc phát huy vai trò của thị trường, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và Nhân dân cùng tham gia quản lý. Vẫn còn tình trạng Nhà nước “lấn sân” thị trường và xã hội, nhiều chính sách chưa theo kịp sự biến đổi nhanh chóng của thực tiễn. Chẳng hạn, hoạt động của Nhà nước trong dịch vụ công có phần “ôm đồm”, còn nặng về bao cấp, hạn chế trong việc huy động nguồn lực thông qua cơ chế xã hội hóa, cơ chế thị trường. Vai trò xã hội chưa theo kịp sự vận động thực tiễn thời kỳ mới, còn bất cập với Nhà nước và thị trường.

Ba là, xử lý mối quan hệ giữa công bằng, bình đẳng và phân hóa giàu nghèo chưa tốt. Có thể thấy, hiện nay khác biệt về thu nhập giữa các tầng lớp trong xã hội ở Việt Nam tương đối rõ ràng, dẫn đến những khác biệt trong lối sống hàng ngày (mua sắm, giáo dục, giải trí...). Bên cạnh đó, tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng làm cho nhóm

xã hội yếu thế, dễ bị tổn thương ngày càng lớn. Bài toán đặt ra là, nếu không tìm được giải pháp sinh kế bền vững, không giảm được số lượng những người yếu thế... sẽ trở thành vấn đề nan giải trong quản lý phát triển xã hội vì mục tiêu phát triển bền vững.

Bốn là, quy luật của thị trường được vận dụng vào quản lý phát triển xã hội còn lệch lạc, gây nhiều bức xúc trong xã hội. Tình trạng vận dụng không đúng quy luật của thị trường vào quản lý phát triển xã hội đã dẫn tới xã hội hóa nhiều loại hình dịch vụ công bị biến thái thành thương mại hóa hoặc tư nhân hóa, đặc biệt trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công (giáo dục, y tế...). Điều này không đúng với bản chất phi lợi nhuận của các loại hình dịch vụ sự nghiệp công và xa rời bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.

3. Một số giải pháp nhằm quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay

Một là, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Các thành tố của Nhà nước, thị trường và xã hội được kết hợp chặt chẽ, hài hòa, bù đắp thiếu hụt và bổ sung lợi thế cho nhau. Nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý, sử dụng quyền lực công tác động lên đối tượng quản lý để đạt được mục tiêu. Trước hết, Nhà nước cần xây dựng hệ thống thể chế bảo vệ quyền tài sản của tổ chức và cá nhân, tạo “sân chơi” bình đẳng cho mọi chủ thể thị trường tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng. Tạo môi trường thuận lợi để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nhận diện những giới hạn của thị trường và tăng cường vận dụng quy luật của thị trường vào quản lý phát triển xã hội.

Hai là, hoàn thiện chức năng xã hội của Nhà nước, phù hợp với điều kiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bên cạnh sự phát triển tất yếu của xã hội, xuất hiện sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng. Do vậy, Nhà nước cần thực hiện phân phối thu nhập quốc dân một cách công bằng, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao đời sống của Nhân dân, với tiến bộ và công bằng xã hội. Nâng cao phúc lợi công cộng, xóa đói giảm nghèo, giải quyết các vấn đề việc làm, sức khỏe, bảo hiểm y tế, lương hưu, trợ cấp khó khăn.

Ba là, đa dạng hóa các chủ thể tham gia quản lý phát triển xã hội. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong phát triển xã hội và

quản lý phát triển xã hội. Tạo cơ hội công bằng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là các nhóm yếu thế được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, chất lượng cao. Phát huy dân chủ rộng rãi, thực chất, đi đôi với siết chặt kỷ cương, phép nước, phòng ngừa và ngăn chặn các biểu hiện lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm hại đến lợi ích của người khác, vi phạm pháp luật, đe dọa an ninh xã hội: “Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương”³². Đồng thời, phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, thiết chế xã hội nhằm kiểm soát xã hội, điều chỉnh, giám sát những hành vi lệch chuẩn của cá nhân/nhóm xã hội, điều tiết lợi ích chính đáng của mọi cá nhân trong xã hội ■

¹ Đoàn Hùng, *Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội vùng Tây Nam Bộ - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.48.

² Đoàn Minh Huân, *Quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội theo tinh thần Đại hội XII của Đảng*, <https://tapchiconsang.org.vn>, ngày 27-10-2016.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.330.

^{4, 16, 17, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 31, 32} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.148, 147, 147-148, 47, 46, 56, 116, 174, 38, 40, 173, 85, 215.

^{5, 6, 18, 19} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.86, 221, 20, 118.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.73.

^{8, 9} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.424, 425.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.114.

^{11, 12} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.104, 104-105.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.79.

^{14, 15, 20, 30} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.30, 30, 98, 133-134.

²⁸ Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, năm 2013, Điều 28.